

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
C.TY CP XM VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **306** /XMHM-TCKT

V/v Công bố thông tin báo cáo tài
chính năm 2013

Hoàng Mai, ngày **25** tháng 03 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Quốc Huy
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 25/03/2014 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2012)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Huy

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013
SO VỚI NĂM 2012**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2013

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		675.623.592.541	713.279.600.128
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	209.424.641.432	101.497.734.557
1. Tiền	111		209.424.641.432	101.497.734.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.220.174.650	27.355.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	5.220.174.650	27.355.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.234.947.090	157.139.633.834
1. Phải thu của khách hàng	131		119.396.209.158	143.758.967.584
2. Trả trước cho người bán	132		10.319.128.164	9.407.173.717
5. Các khoản phải thu khác	135	6	2.281.661.780	6.631.931.865
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.762.052.012)	(2.658.439.332)
IV. Hàng tồn kho	140	7	326.713.947.742	422.436.692.723
1. Hàng tồn kho	141		329.221.295.347	425.014.596.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.507.347.605)	(2.577.903.405)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.029.881.627	4.850.539.014
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.665.514.949	2.376.227.167
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà	152		426.134.082	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.938.232.596	2.474.311.847
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.330.919.562.553	1.431.552.541.517
II. Tài sản cố định	220		1.273.748.419.718	1.376.190.622.207
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.255.623.921.086	1.370.082.259.248
- Nguyên giá	222		2.765.046.774.661	2.760.807.209.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.509.422.853.575)	(1.390.724.950.262)
3. Tài sản cố định vô hình	227		898.815.345	230.037.420
- Nguyên giá	228		1.361.153.370	516.315.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(462.338.025)	(286.277.950)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.225.683.287	5.878.325.539
V. Tài sản dài hạn khác	260		57.171.142.835	55.361.919.310
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	56.392.455.556	55.361.919.310
3. Tài sản dài hạn khác	268		778.687.279	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.006.543.155.094	2.144.832.141.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.159.766.878.352	1.213.163.238.055
I. Nợ ngắn hạn	310		918.827.876.271	871.445.089.006
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	653.726.653.286	607.069.780.331
2. Phải trả cho người bán	312		148.631.455.223	150.730.387.205
3. Người mua trả tiền trước	313		9.711.123.307	2.537.154.168
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.325.186.556	18.306.097.827
5. Phải trả người lao động	315		20.083.970.711	22.779.196.133
6. Chi phí phải trả	316	15	25.976.849.483	27.719.043.686
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	47.054.921.777	31.004.092.645
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5.317.715.928	11.299.337.011
II. Nợ dài hạn	330		240.939.002.081	341.718.149.049
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	220.272.555.129	326.227.277.494
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	20.666.446.952	15.490.871.555
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		846.776.276.742	931.668.903.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	846.776.276.742	931.668.903.590
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
4. Cổ phiếu quỹ	414		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		106.584.633.283	85.906.072.577
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.750.379.292	22.114.914.693
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.502.639.818	112.709.291.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.006.543.155.094	2.144.832.141.645

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.623.731.697.168	1.650.775.529.903
2. Các khoản giảm trừ	02		61.925.515.503	124.199.851.886
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10	20	1.561.806.181.665	1.526.575.678.017
cấp				
4. Giá vốn hàng bán	11	21	1.339.808.609.921	1.168.408.507.847
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		221.997.571.744	358.167.170.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.255.958.755	4.344.283.821
7. Chi phí tài chính	22	23	73.698.445.559	103.665.209.517
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.123.605.784	103.372.878.328
8. Chi phí bán hàng	24		79.299.185.176	65.727.433.327
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		69.018.001.064	65.393.479.320
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.237.898.700	127.725.331.827
11. Thu nhập khác	31		6.031.310.610	7.971.544.564
12. Chi phí khác	32		1.865.065.891	3.237.993.368
13. Lợi nhuận khác	40		4.166.244.719	4.733.551.196
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.404.143.419	132.458.883.023
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	725.928.204	14.573.972.274
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	5.175.575.397	5.175.618.778
17. Lợi nhuận sau thuế	60		1.502.639.818	112.709.291.971
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	22	1.628

1295
Y C
VICE
MA
T.NGH

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, lợi nhuận sau thuế năm 2013 của công ty lãi 1,5 tỷ đồng, giảm 98% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 (LNST năm 2012 là 112,7 tỷ đồng) là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng xi măng sản xuất và tiêu thụ năm 2013 giảm so với năm 2012 (sản lượng tiêu thụ giảm 10%).
- Giá bán xi măng bình quân sau chiết khấu giảm.
- Giá vật tư đầu vào tăng, đặc biệt là nhiên liệu: dầu DO tăng 3%, điện tăng 11% .
- Định mức tiêu hao cho sản xuất như than, điện cao hơn so với năm 2012.
- Đơn giá tồn kho clinker 31/12/2012 tăng so với đơn giá tồn kho clinker 31/12/2013, làm giá vốn năm 2013 tăng so với giá vốn năm 2012.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

